

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương
theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu
tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thi
điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý
chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2021/NĐ-CP
ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương
thức đối tác công tư; số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định cơ chế quản lý
tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; số 35/2023/NĐ-CP ngày
20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý
nhà nước của Bộ Xây dựng; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 165/2024/NĐ-CP
ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 175/2024/NĐ-
CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây
dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 88/2024/NĐ-CP quy định về bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 90/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1200/QĐ-TTg ngày 17/10/2024 về việc giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương cho Dự án;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-BTNMT ngày 21/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1);

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng: số 151/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và số 336/NQ-HĐND ngày 21/11/2024 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1); số 172/NQ-HĐND ngày 07/3/2023 về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác để thực hiện dự án;

Căn cứ Văn bản thỏa thuận số 8881/UBND-VBTT ngày 12/10/2023 giữa UBND tỉnh Lâm Đồng và Liên danh Nhà đầu tư lập đề xuất dự án về việc thỏa thuận lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định cơ sở (HĐTĐCS) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1);

Trên cơ sở Báo cáo số 45/BC-HĐTĐCS ngày 28/3/2025 của Hội đồng thẩm định cấp cơ sở về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1) và Văn bản số 255/SXD-KTKH ngày 26/3/2025 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp cơ sở tại Tờ trình số 29/TTr-HĐTĐCS ngày 28/3/2025 về việc Đề nghị phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1), bao gồm các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu đầu tư dự án

Từng bước hoàn thành hệ thống đường bộ cao tốc từ Dầu Giây tới Liên Khương theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; nâng cao khả năng kết nối với mạng lưới giao thông Quốc gia, rút ngắn thời gian kết nối các tỉnh Tây Nguyên với khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và các Trung tâm kinh tế, xã hội, công nghiệp dọc Quốc lộ 20. Nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa, thông thương đối ngoại, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông cho Quốc lộ 20 đang trong tình trạng quá tải.

Tạo bước đột phá kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển du lịch, bảo đảm an ninh quốc phòng của tỉnh Lâm Đồng nói riêng, khu vực Tây Nguyên nói chung; phát huy tối đa hiệu quả đầu tư của dự án cao tốc đoạn Dầu Giây - Tân Phú, Tân Phú - Bảo Lộc góp phần quan trọng trong việc mở rộng không gian, xây dựng, phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trở thành một vùng đô thị hiện đại.

2. Phạm vi, quy mô và địa điểm thực hiện dự án

2.1. Phạm vi dự án

Điểm đầu: Khoảng Km126+484,93 thuộc địa phận phường Lộc Phát, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Trùng điểm cuối cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc (Km125+675).

Điểm cuối: Khoảng Km200+100, giao với cao tốc Liên Khương - Prenn (Km208+650) thuộc xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 73,62 km.

2.2. Quy mô đầu tư

Loại và cấp công trình chính: công trình giao thông đường bộ cấp I thuộc dự án nhóm A.

Cấp đường: Giai đoạn hoàn chỉnh, đường cao tốc với tốc độ thiết kế $V_{tk}=100$ km/h (TCVN 5729:2012 - Đường ô tô cao tốc - yêu cầu thiết kế).

Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

Quy mô mặt cắt ngang, cụ thể:

- Giai đoạn hoàn chỉnh: Quy mô 4 làn xe cao tốc $B_{nền}=24,75$ m, $V_{tk}=100$ km/h theo Tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729:2012, có 02 làn dừng khẩn cấp;

- Phân kỳ giai đoạn 1: Quy mô 04 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 17$ m theo tiêu chuẩn TCVN 42:2022/TCĐBVN, tốc độ khai thác 80 km/h (Yếu tố hình học theo Tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729:2012 $V_{tk}=100$ km/h), khoảng 4-5km bố trí một vị trí dừng xe khẩn cấp trong cùng một chiều xe chạy

với chiều rộng làn dừng khẩn cấp bảo đảm chiều rộng nền đường theo giai đoạn hoàn chỉnh. Tại các vị trí nút giao liên thông, vị trí đắp cao kết hợp đoạn dừng xe khẩn cấp, các đoạn nền đường đào sâu trên 18m và một số vị trí trên tuyến nhằm bảo đảm các yếu tố kỹ thuật mặt cắt ngang được thiết kế theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh $B_{nền}=24,75m$.

- Bố trí các hạng mục công trình phục vụ khai thác, vận hành cao tốc: Trung tâm điều hành giao thông thông minh, Trạm thu phí điện tử không dừng, Trạm dừng nghỉ, công trình kiểm soát tải trọng xe,... bảo đảm đồng bộ, hiệu quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

2.3. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Bảo Lộc và các huyện: Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng.

2.4. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

2.4.1. Hướng tuyến, bình đồ:

Hướng tuyến: Từ điểm đầu (trùng với điểm cuối cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc) tuyến đi song song bên trái QL.20 khoảng cách trung bình khoảng 2-5km, đi qua địa phận thành phố Bảo Lộc và các huyện: Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Đến khu vực sân bay Liên Khương tuyến đi vòng lên phía Bắc sân bay và kết nối với cao tốc Liên Khương - Đèo Prenn tại vị trí khoảng Km200+100. Hướng tuyến của dự án phù hợp chủ trương đầu tư được HĐND tỉnh Lâm Đồng thông qua tại Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; phù hợp tổng thể hướng tuyến theo Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1727/QĐ- TTg ngày 29/12/2023 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 các huyện Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng và thành phố Bảo Lộc. Một số đoạn điều chỉnh cục bộ đã được UBND tỉnh Lâm Đồng chấp thuận.

Bình đồ: Yếu tố kỹ thuật trên bình đồ bảo đảm vận tốc thiết kế $V_{tk}=100km/h$ theo tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc.

2.4.2. Trắc dọc:

Phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật, tần suất thiết kế theo cấp đường và các vị trí không chế, bảo đảm êm thuận trong quá trình vận hành xe, có xét đến giải pháp đầu tư mở rộng theo quy hoạch.

2.4.3. Mặt cắt ngang:

a) Đường cao tốc

Quy mô mặt cắt ngang giai đoạn 1: Quy mô 4 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 17,0m$ (gồm: Mặt đường xe chạy $4 \times 3,5 = 14m$, dải phân cách giữa $0,5m$, dải an toàn trong $B_{att} = 2 \times 0,5m = 1,0m$, dải an toàn ngoài $B_{atn} = 2 \times 0,25m = 0,5m$; lề đường $= 2 \times 0,5m = 1,0m$), khoảng 4-5km bố trí một vị trí dừng xe khẩn cấp trong cùng 1 chiều xe chạy với chiều rộng làn dừng khẩn cấp bảo đảm chiều rộng nền đường theo giai đoạn hoàn chỉnh. Tại các vị trí nút giao liên thông, vị trí đắp cao kết hợp đoạn dừng xe khẩn cấp, các đoạn nền đường

đào sâu trên 18m và một số vị trí trên tuyến nhằm bảo đảm các yếu tố kỹ thuật mặt cắt ngang được thiết kế theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh $B_{\text{nền}}=24,75\text{m}$.

b) Đường gom, đường hoàn trả: Dự kiến bố trí khoảng 47km đường gom và 19km đường ngang để kết nối dân cư hai bên tuyến, cụ thể như sau:

Bố trí hệ thống đường gom kết hợp với công trình dân sinh (cống chui hoặc cầu vượt dân sinh) để phục vụ dân cư hai bên tuyến: Quy mô khẩu độ hầm chui dân sinh phù hợp với quy hoạch và nhu cầu của địa phương.

Đối với đường gom, đường ngang là đường Quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện được hoàn trả phù hợp theo quy mô, cấp đường hiện trạng hoặc theo quy hoạch.

Đối với các đường gom khác sẽ được hoàn trả theo quy mô giao thông nông thôn theo quy định hiện hành.

2.4.4. Nền đường: Bảo đảm các yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của nền đất theo quy định.

2.4.5. Mặt đường:

Mặt đường tuyến chính cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, bảo đảm mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 183 \text{ Mpa}$, đáp ứng các yêu cầu khai thác theo quy định.

Mặt đường nút giao: Mặt đường cấp cao A1, bảo đảm mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 176 \text{ Mpa}$.

Mặt đường dải dừng xe khẩn cấp: Mặt đường cấp cao A1, bảo đảm mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160 \text{ Mpa}$.

Mặt đường ngang, đường gom: Đối với đường có quy mô từ cấp III, mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140 \text{ Mpa}$. Đối với đường quy mô cấp IV, cấp V, mặt đường cấp cao A2, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 100 \text{ Mpa}$.

2.4.6. Thiết kế giao cắt:

a) Giao cắt liên thông

Trong phạm vi dự án hoạch định xây dựng 06 giao cắt khác mức liên thông, cụ thể như sau:

TT	Tên nút giao	Lý trình	Khoảng cách (km)	Ghi chú
1	Nút Nguyễn Văn Cừ ¹	Km126+300		Giao cắt với đường Nguyễn Văn Cừ (QL.55)
2	Nút Tân Châu	Km148+695	22,8	Giao cắt với QL.28
3	Nút Gia Hiệp ²	Km163+950	14,8	Giao cắt với ĐT.723 (quy hoạch).
4	Nút Phú Hội	Km182+760	19,8	Giao cắt với ĐT.724

¹ Nút giao Nguyễn Văn Cừ thuộc Dự án cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc. Tuy nhiên, có một phần đường nhánh thuộc dự án Bảo Lộc - Liên Khương.

² Đầu tư xây dựng trong giai đoạn hoàn chỉnh.

TT	Tên nút giao	Lý trình	Khoảng cách (km)	Ghi chú
5	Nút Liên Hiệp	Km191+960	9,2	Giao cắt với QL.27
6	Nút Liên Khương	Km199+408	7,4	Kết nối vào Cao tốc Liên Khương - Prenn.

b) Giao cắt trực thông: Xây dựng 35 cầu vượt ngang, 7 vị trí xây dựng đường gom chui dưới cầu và 20 hầm chui trên tuyến.

2.4.7. Công trình cầu:

Đầu tư xây dựng 51 công trình cầu, trong đó: 13 cầu trên tuyến chính, 35 cầu vượt ngang qua đường cao tốc, 03 cầu trong nút giao liên thông.

a) Mặt cắt ngang cầu:

Cầu trên đường cao tốc: Bề rộng cầu phù hợp với bề rộng nền đường là 17,5m, trong đó có cầu tại Km152+700 có bề rộng theo quy mô hoàn thiện là 24,75m.

Cầu vượt ngang: phù hợp với quy mô đường hiện trạng, có xem xét để phù hợp với quy hoạch.

Cầu trong nút giao liên thông, cầu trên nhánh giao: Bề rộng cầu 14,5m.

b) Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực đúc sẵn (dầm bản, dầm I, dầm Super-T).

c) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép trên nền thiên nhiên hoặc hệ móng cọc khoan nhồi.

(Chi tiết công trình cầu theo phụ lục đính kèm)

2.4.8. Hệ thống thoát nước:

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, thoát nước siêu cao, thoát nước mái taluy... bảo đảm thoát nước và thống nhất với các cơ quan quản lý thủy lợi địa phương.

2.4.9. Hệ thống công trình phục vụ quản lý và khai thác:

Dự án thu phí kín để hoàn vốn, bố trí 02 trạm thu phí trên chính tuyến (trạm thu phí Km127+200³; trạm thu phí Km197+500) và các trạm thu phí phụ tại các nút giao liên thông (03 nút giao liên thông: nút Tân Châu, nút Phú Hội, nút Liên Hiệp). Áp dụng công nghệ thu phí tự động không dừng, có hệ thống giám sát trực tuyến; tổ chức quản lý, vận hành khai thác phù hợp, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và tiết kiệm chi phí đầu tư.

Hệ thống giao thông thông minh ITS: Đầu tư hệ thống giao thông thông minh hiện đại, bảo đảm thuận lợi trong việc kiểm soát, điều khiển giao thông trên toàn tuyến.

Nhà điều hành, quản lý giao thông thông minh ITS, cứu hộ và bảo dưỡng

³ Bố trí tùy thuộc tiến trình đầu tư, loại hình nút giao Nguyễn Văn Cừ thuộc dự án cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc

bố trí tại trạm thu phí nút giao Phú Hội (Km182+760) để tận dụng hạ tầng của trạm thu phí.

Công trình kiểm soát tải trọng xe: Bố trí công trình kiểm soát tải trọng xe tại các nhánh vào đường cao tốc theo quy định.

Trạm dừng nghỉ:

- Trạm dừng nghỉ của Dự án bố trí hai bên tuyến cao tốc tại Km132+300 (Phải tuyến) và Km135+000 (Trái tuyến), thuộc xã Lộc An, huyện Bảo Lâm với quy mô giai đoạn 1 khoảng 5ha/01bên (tổng 2 bên khoảng 10ha được giải phóng mặt bằng đồng thời cùng dự án cao tốc).

- Trạm dừng nghỉ được triển khai hoàn thành đồng bộ cùng tuyến cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương để bảo đảm điều kiện vận hành của tuyến đường cao tốc, thuộc hạng mục công trình dự án phù hợp quy định Điều 52 Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Điều 51 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Các hạng mục công trình trạm dừng nghỉ bảo đảm tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 43:2024/BGTVT và các quy định khác có liên quan.

2.4.10. An toàn giao thông: Hệ thống biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, lan can phòng hộ: bố trí đầy đủ theo các quy định hiện hành.

2.4.11. Một số hạng mục khác:

Công trình phòng hộ: Công trình gia cố phòng hộ bố trí bảo đảm tuyến đường ổn định trong quá trình khai thác, đồng thời kết hợp với các công trình khác tạo cảnh quan và dẫn hướng, chỉ dẫn cho người lái xe.

Hàng rào: bố trí hàng rào bảo vệ dọc hai bên tuyến bằng lưới thép hoặc dây thép gai tùy thuộc vào từng đoạn tuyến.

Xây dựng hệ thống chiếu sáng tại các nút giao liên thông và nút giao cuối tuyến (không bao gồm nút giao Nguyễn Văn Cừ thuộc phạm vi Dự án cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc).

3. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP (TEDI).

4. Thời gian thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án từ năm 2022 - 2027; hoàn thành đưa vào khai thác Quý IV năm 2027.

5. Nhu cầu sử dụng đất:

Tổng phạm vi chiếm dụng giải phóng mặt bằng của dự án theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh ($B_{\text{tổng}}=24,75\text{m}$) là khoảng 610ha. Trong đó: thành phố Bảo Lộc khoảng 37ha; huyện Bảo Lâm khoảng 57ha; huyện Di Linh khoảng 305ha; huyện Đức Trọng khoảng 211ha. Riêng phần diện tích chiếm dụng đất rừng sản xuất 2,91ha đã được HĐND tỉnh đã phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án tại Nghị quyết 336/NQ-HĐND ngày 21/11/2024 và phần diện tích đất lúa khoảng 8,68ha đã được HĐND tỉnh phê duyệt chuyển mục đích đất lúa sang mục đích khác để thực hiện dự án tại Nghị quyết 172/NQ-HĐND ngày 07/3/2023.

6. Phương thức đầu tư, loại hợp đồng dự án: Đầu tư theo theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT).

7. Tổng mức đầu tư: 17.718 tỷ đồng (Mười bảy nghìn, bảy trăm mười tám tỷ đồng). Trong đó:

- Chi phí GPMB: 5.794 tỷ đồng;
- Chi phí xây dựng và thiết bị: 8.791 tỷ đồng;
- Chi phí quản lý dự án, tư vấn, chi phí khác: 616 tỷ đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.604 tỷ đồng;
- Lãi vay trong thời gian thi công: 913 tỷ đồng.

8. Cơ cấu nguồn vốn:

Vốn ngân sách Nhà nước: 7.761 tỷ đồng (chiếm 43,8% tổng mức đầu tư giai đoạn 1), trong đó: vốn ngân sách địa phương bố trí 5.261 tỷ đồng; Vốn ngân sách trung ương là 2.500 tỷ đồng.

Vốn do nhà đầu tư huy động khoảng: 9.957 tỷ đồng (chiếm 56,2% tổng mức đầu tư giai đoạn 1), trong đó vốn chủ sở hữu Nhà đầu tư khoảng 1.494 tỷ đồng (chiếm 15% tổng mức đầu tư không bao gồm vốn ngân sách Nhà nước); Vốn Nhà đầu tư huy động khoảng 8.463 tỷ đồng (chiếm 85% tổng mức đầu tư không bao gồm vốn ngân sách Nhà nước).

9. Nguồn vốn nhà nước trong dự án, bao gồm:

a) Vốn ngân sách nhà nước chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) khoảng 5.794 tỷ đồng, được tách thành các tiểu dự án và giao Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố có tuyến đường đi qua làm Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định, gồm:

- Tiểu dự án 1: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận thành phố Bảo Lộc, giá trị khoảng 269 tỷ đồng, nguồn vốn Ngân sách nhà nước, giao cho UBND thành phố Bảo Lộc làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 2: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận huyện Bảo Lâm, giá trị khoảng 600 tỷ đồng, nguồn vốn Ngân sách nhà nước, giao cho UBND huyện Bảo Lâm làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 3: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận huyện Di Linh, giá trị khoảng 1.948 tỷ đồng, nguồn vốn Ngân sách nhà nước, giao cho UBND huyện Di Linh làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 4: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) thuộc địa phận huyện Đức Trọng, giá trị khoảng 2.977 tỷ đồng, nguồn vốn Ngân sách nhà nước, giao cho UBND huyện Đức Trọng làm Chủ đầu tư.

Chi phí thực tế của các tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) sẽ được xác định cụ thể theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình tạm và hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, chi phí tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư, ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu thuộc dự án khoảng 1.967 tỷ đồng.

c) Giá trị vốn nhà nước tại điểm a và điểm b nêu trên chiếm tỷ lệ 43,8 % tổng mức đầu tư giai đoạn 1.

d) Phương thức quản lý và sử dụng vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ công trình tạm và hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020 (Luật PPP năm 2020).

10. Dự kiến phương án tài chính của Dự án

a) Các thông số chủ yếu:

Tổng vốn đầu tư của dự án khoảng 17.718 tỷ đồng, trong đó: vốn nhà đầu tư khoảng 9.957 tỷ đồng (vốn chủ sở hữu khoảng 1.494 tỷ đồng, vốn Nhà đầu tư huy động khoảng 8.463 tỷ đồng); vốn nhà nước 7.761 tỷ đồng.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu: 15% tổng vốn đầu tư BOT (không bao gồm phần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án).

Tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư: 12,78%/năm.

Mức lãi suất vốn vay: 10,67%/năm.

Mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo từng giai đoạn:

Giai đoạn	2028-2030	2031-2033	2034-2036	2037-2039	2040-2042	2043-2045	2046-2048	2049-2051	2052-2054	2055-2057
Mức cước phí (đồng/xe tiêu chuẩn/km)	2.000	2.300	2.600	3.000	3.500	4.000	4.600	5.300	6.100	7.000

Mức giá dịch vụ giữa các nhóm xe còn lại so với xe nhóm 1 xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Trong giai đoạn tiếp theo, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương tiếp tục khảo sát đánh giá các dữ liệu bảo đảm tính hợp lý của nguồn thu, khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư và các rủi ro liên quan.

Chi phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì đường cao tốc và các chi phí, thông số khác dùng để tính toán phương án tài chính được xác định theo các quy định hiện hành.

b) Kết quả tính toán hiệu quả tài chính:

- Giá trị hiện tại ròng (NPV): 333,93 tỷ đồng > 0 đồng;
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 11,39%/năm;
- Tỷ số lợi ích/Chi phí (B/C): 1,027 > 1;
- Dự kiến thời gian thu phí, hoàn vốn: **19 năm 10 tháng.**

11. Tên cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu, nhà đầu tư đề xuất dự án

Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Cơ quan ký kết hợp đồng: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng;

Nhà đầu tư đề xuất dự án: Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Phương Trang - FUTA GROUP, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Phương Thành (Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Phương Trang - FUTA GROUP là đại diện Liên danh Nhà đầu tư).

Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP.

12. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư, thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi trong nước. Nhà đầu tư đề xuất dự án được hưởng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: năm 2025.

13. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các ưu đãi, bảo đảm đầu tư theo quy định Điều 79, Điều 80 Luật PPP năm 2020.

14. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

Dự án được áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu theo Điều 82 Luật PPP năm 2020, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Nghị định số 28/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, phối hợp, kiểm tra thực hiện các nội dung tại Quyết định này, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh làm đại diện cơ quan có thẩm quyền, trong quá trình thực hiện dự án có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, hoàn thiện hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hồ sơ mời thầu. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đàm phán hợp đồng dự án; trên cơ sở kết quả đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án và công khai thông tin hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 9 và Điều 49 Luật PPP năm 2020.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án theo quy định tại hợp đồng dự án, bảo đảm tuân thủ quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

3. Hội Đồng thẩm định cấp cơ sở và các sở, ngành tham gia thẩm định chịu trách nhiệm toàn diện đối với nội dung thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết định này.

4. UBND các huyện: Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng và UBND thành phố Bảo Lộc: tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hạ tầng kỹ thuật) của tiêu dự án trên địa bàn quản lý.

5. Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Phương Trang - FUTA GROUP (đại diện Liên danh Nhà đầu tư đề xuất dự án):

- Chịu trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo Báo cáo thẩm định số 45/BC-HĐTĐCS ngày 28/3/2025 của Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu, tài liệu hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường và năng lực của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giao nộp hồ sơ và tài liệu cần thiết theo quy định cho các cơ quan liên quan để triển khai các công việc tiếp theo và lưu trữ theo quy định hiện hành.

- Hoàn thành hồ sơ cấm cọc giải phóng mặt bằng; tổ chức thực hiện cấm cọc giải phóng mặt bằng và bàn giao cho các địa phương; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của toàn bộ các công tác này.

6. Trong bước triển khai tiếp theo, Nhà đầu tư, các đơn vị tư vấn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm:

- Tổ chức khảo sát chi tiết, thí nghiệm đầy đủ tính chất cơ lý của vật liệu (đặc biệt là mô vật liệu cát, đất đắp, đá), thu thập các số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn, tính toán để xây dựng giải pháp thiết kế, biện pháp tổ chức thi công phù hợp, bảo đảm ổn định công trình, kinh tế - kỹ thuật.

- Quản lý chặt chẽ khối lượng, chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-BTNMT ngày 21/02/2025 và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các nội dung lưu ý trong Báo cáo thẩm định số 45/BC-HĐTĐCS ngày 28/3/2025 của Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.

7. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng và thành phố Bảo Lộc; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Phương Trang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: TC, XD, NN&MT;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GT.

CHỦ TỊCH



★ **Trần Hồng Thái**



Phụ lục
Danh sách công trình cầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1)
(Kèm theo Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Bề rộng cầu (m)	Chiều dài cầu (m)	Loại kết cầu nhịp
I	Cầu trên tuyến chính				
1	Km127+473	1x33	17,50	45,10	PC-I
2	Km131+338	4x33	17,50	146,35	PC-I
3	Km131+645	39,1+2x40+39,1	17,50	172,90	PC-ST
4	Km135+540	2x33	17,50	79,15	PC-I
5	Km135+782	2x33	17,50	76,15	PC-I
6	Km143+521	4x33	17,50	146,35	PC-I
7	Km144+080	39,1+6x40+39,1	17,50	326,40	PC-ST
8	Km144+910	39,1+3x40+39,1	17,50	212,40	PC-ST
9	Km152+700	3x33	24,75	111,30	PC-I
10	Km153+876	39,1+4x40+39,1	17,50	250,40	PC-ST
11	Km162+750	39,1+8x40+39,1	17,50	411,40	PC-ST
12	Km170+815	39,1+14x40+39,1	17,50	652,90	PC-ST
13	Km178+655	39,1+5x40+39,1	17,50	292,40	PC-ST
II	Cầu vượt trên đường ngang				
1	Km127+674	1x38,2	7,50	56,30	PC-ST
2	Km128+786	1x38,2	7,50	52,30	PC-ST
3	Km130+377	1x38,2	10,00	52,30	PC-ST
4	Km132+780	3x33	7,50	105,30	PC-I
5	Km133+960	1x38,2	7,50	56,30	PC-ST
6	Km135+155	3x33	7,50	105,30	PC-I
7	Km136+912	3x33	7,50	105,30	PC-I
8	Km138+125	1x38,2	7,50	58,30	PC-ST
9	Km139+110	1x38,2	7,50	56,30	PC-ST
10	Km141+222	3x33	7,50	105,30	PC-I
11	Km145+301	1x38,2	7,50	52,30	PC-ST
12	Km146+971	3x33	7,50	105,30	PC-I
13	Km147+945	3x33	7,50	105,30	PC-I
14	Km149+378	3x33	12,00	106,30	PC-I

ml

TT	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Bề rộng cầu (m)	Chiều dài cầu (m)	Loại kết cầu nhịp
15	Km150+414	1x38,2	7,50	54,30	PC-ST
16	Km151+325	1x38,2	7,50	54,30	PC-ST
17	Km152+577	1x38,2	7,50	53,30	PC-ST
18	Km154+210	41,1+44+41,1	7,50	133,40	PC-ST
19	Km157+262	39,1+40+39,1	7,50	124,40	PC-ST
20	Km158+471	3x33	7,50	109,30	PC-I
21	Km160+158	3x33	7,50	105,30	PC-I
22	Km161+806	1x38,2	7,50	53,30	PC-ST
23	Km166+192	1x38,2	7,50	56,30	PC-ST
24	Km167+498	39,1+40+39,1	7,50	125,40	PC-ST
25	Km171+383	1x38,2	7,50	54,30	PC-ST
26	Km173+042	1x38,2	7,50	56,30	PC-ST
27	Km176+064	39,1+40+39,1	9,00	124,40	PC-ST
28	Km181+149	1x38,2	9,00	53,30	PC-ST
29	Km183+193	1x38,2	12,00	44,54	PC-ST
30	Km185+684	1x38,2	7,50	53,30	PC-ST
31	Km186+813	39,1+3x40+39,1	7,50	212,90	PC-ST
32	Km189+516	40,6+43+40,6	7,50	136,40	PC-ST
33	Km191+244	1x38,2	7,50	53,30	PC-ST
34	Km192+419	1x38,2	12,00	50,30	PC-ST
35	Km193+878	1x38,2	7,50	53,30	PC-ST
III	Cầu vượt nút giao				
1	Nút Tân Châu (Km148+694)	1x38,2	14,50	54,30	PC-ST
2	Nút Phú Hội (Km182+773)	1x38,2	14,50	53,30	PC-ST
3	Nút Liên Hiệp (Km191+964)	1x38,2	14,50	54,30	PC-ST

Ren